Ngày soạn: 25/12/2020

Ngày dạy : 28/12/2020

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 147,148

**Bài 88 ung uc**

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các vần **ung, uc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ung, uc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ung,** có vần **uc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Hai con ngựa* (1).
* Viết đúng các vần **ung, uc,** các tiếng **sung, cúc** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Máy chiếu / hình ảnh.
3. **HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 5 phút**   **Ổn định**: hát |  |
| **Giới thiệu bài:** vần **eng,** vần **ec.** | -HS lắng nghe |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 25 phút**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  1.1.Dạy vần **ung:**   * **HS** đọc: **u - ngờ - ung. /** Phân tích vần **ung. /** Đánh vần và đọc tron: **u - ngờ - ung / ung.** * HS nói: *sung.* /Phân tích tiếng sung. / Đánh vần, đọc: sờ - ung - sung / sung. * Đánh vần, đọc tron: u - ngờ - ung / sờ - ung - sung / sung.   1.2.Dạy vần **uc** (như vần **ung):**   * **HS** đọc: **u - cờ - uc. /** Phân tích vần **uc. /** Đánh vần và đọc tron: **u - cờ - uc / uc.** * HS nói: *sung.* /Phân tích tiếng sung. / Đánh vần, đọc: u - cờ - uc / cờ - uc - cuc - sắc - cúc / cúc.   Đánh vần, đọc trơn: u - cờ - uc / cờ - uc - cuc - sắc - cúc / cúc.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ung, uc,** 2 tiếng mới học: **sung, cúc.** | -HS đọc, phân tích  -HS đánh vần đọc  -HS đánh vần  -HS đánh vần  -HS nói |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ung?** Tiếng nào có vần **uc?)**   * HS đọc từng từ dưới hình; tìm tiếng có vần **ung,** vần **uc,** báo cáo. * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **thùng** (rác) có vần **ung,...** Tiếng (cá) **nục** có vần **uc,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ung:** viết **u** rồi đến **ng** (chữ **g** 5 li). / vần **uc:** viết **u** rồi đến **c.** Chú ý nối nét giữa **u** và **ng;** viết **u** và **c** gần nhau. * **sung:** viết **s** rồi đến **ung. /** Hướng dẫn tương tự với chữ ghi tiếng **cúc,** dấu sắc đặt trên u.  1. HS viết: **ung, uc** (2 lần). / Viết: **sung, cúc**   -GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS trả lời  -HS theo dõi  -HS viết |
| **Tiết 2(**30 phút) | |
| **2.3.Tập đọc** (BT 3):   1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu hình ảnh hai con ngựa: ngựa màu đen và ngựa màu tía đang trò chuyện. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **ngựa tía, biếng nhác, làm lụng, vất vả, thắc mắc, hùng hục, giục, trốn, lẩm bẩm, có lí lắm.** Giải nghĩa: *lẩm bẩm* (nói nhỏ, giọng đều đều). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu, đọc liền 2 câu cuối (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC của BT: Ghép hình (ngựa ô / ngựa tía) với chữ. * GV chỉ từng từ ngữ, HS đọc: a) chăm chỉ, b) biếng nhác, c)..., d)... * GV chỉ vào ý a. / HS: *Ngựa ô chăm chỉ.* * HS làm bài trên VBT. /1 HS báo cáo kết quả. * GV chỉ từng ý, cả lớp đồng thanh: a) *Ngựa ô chăm chỉ,*   b) *Ngựa tía* biếng nhác,   1. *Ngựa tía* thắc mắc: “Chị vất vả làm gì?”, 2. d) *Ngựa ô* nghe ngựa tía. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS đọc vỡ  -HS thi đọc nối tiếp  -HS làm BT vào vở  -HS đồng thanh |
| 1. **Củng cố và nối tiếp: 5 phút**   - HDHS củng cố bài  - Về nhà đọc lại bài và xem trước bài sau  - Nhận xét, tuyên dương HS |  |

Ngày soạn: 26/12/2020

Ngày dạy : 29/12/2020

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 149,150

**Bài 89.** **ưng ưc**

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các vần **ưng, ưc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ưng, ưc.**
* Nhìn chữ, tìm đúng từ ngữ có vần **ưng,** vần **ưc** ứng với mỗi hình.
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Hai con ngựa* (2).
* Viết đúng các vần **ưng, ưc,** các tiếng **lưng,** (cá) **mực** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Máy chiếu**,** 6 thẻ từ ngữ ghi nội dung BT đọc hiểu.
3. **HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| 1. **Khởi động: 5 phút**   **Ổn định**: hát |  | |
| **Giới thiệu bài:** vần **ưng,** vần **ưc.** | -HS lắng nghe | |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 30 phút**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  | |
| * 1. Dạy vần **ưng** * Yêu cầu HS đọc: **ư - ngờ - ưng. /** Phân tích vần **ưng. /** Đánh vần, đọc: **ư - ngờ - ưng / ưng.** * Yêu cầu HS nói: *lưng.* Phân tích tiếng **lưng. /** Đánh vần, đọc trơn (cá nhân, cả lớp): lờ - ung - lưng / lưng. * Đánh vần, đọc trơn: ư - ngờ - ưng / lờ - ưng - lưng / lưng.   1. Dạy vần **ưc** (như vần **ưng)** * Yêu cầu HS đọc: **ư - cờ - ưc. /** Phân tích vần **ưc. /** Đánh vần, đọc: **ư - cờ - ưc / ưc.** * Yêu cầu HS nói: *mực.* Phân tích tiếng **mực. /** Đánh vần, đọc trơn (cá nhân, cả lớp): mờ- ưc- mưc- nặng- mực   Đánh vần, đọc trơn: ư - cờ - ưc / mờ - ưc - mưc - nặng - mực / cá mực.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ưng, ưc,** 2 tiếng mới học: **lưng, mực.** | -HS đọc, phân tích , đánh vần  -HS đọc  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS phân tích , đánh vần  -HS trả lời | |
| **Hoạt động 2:Luyện tập** |  | |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)   * Yêu cầu HS đọc từng từ, làm BT, báo cáo kết quả. * GV giúp HS nối từ ngữ với hình trên bảng lớp. /GV chỉ từng hình, cả lớp đọc: | -HS thực hiện  -1) chim ưng, 2) trứng, 3) gừng,... | |
| **2.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ưng:** viết **ư** rồi viết **ng;** chú ý nối nét giữa **ư** và **ng.** / Làm tương tự với vần **ưc.** * **lưng:** viết **1** (cao 5 li) rồi đến vần **ưng. /** Viết chữ **mực:** dấu nặng đặt dưới **ư.**  1. HS viết: **ưng, ưc** (2 lần). / Viết: **lưng,** (cá) **mực.**   -GV cùng HS nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, đẹp | -HS lắng nghe  -HS viết | |
| **Tiết 2 (30 phút)** | | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3): 30 phút   a) GV giới thiệu hình ảnh hai con ngựa (ngựa ô và ngựa tía) trong phần 2 của câu chuyện *Hai con ngựa'.* Ông chủ đặt đồ trên lưng ngựa tía. Ngựa tía vùng vằng bị ông chủquát.   1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ: **hửng sáng, chất đồ đạc, lưng ngựa, hí ầm ĩ, vùng vằng, bực, chở nặng, ấm ức lắm, đã muộn.** Giải nghĩa: *vùng vằng* (điệu bộ tỏ ra giận dỗi, không bằng lòng). 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 8 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu: *Bác nông dân nghĩ là nó mệt, / bèn chất tất cả hàng / sang lưng ngựa tía.*  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 4 câu); thi đọc cả bài (theo cặp / tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc từng từ ngữ ở hai cột. * 1 HS làm mẫu: a) Ngựa ô - 3) hí ầm ĩ, không muốn chở hàng. * HS làm bài, nói kết quả. GV giúp HS ghép các cụm từ trên bảng. * Cả lớp nói lại kết quả: a) Ngựa ô - 3) hí ầm ĩ, không muốn chở hàng, b) Bác nông dân -1) chất hết hàng lên lưng ngựa tía. c) Ngựa tía - 2) rất ẩm ức nhung đã muộn. | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc  -HS đọc nối tiếp  -HS đọc thi  -HS thực hiện  -HS báo cáo kết quả |
| 1. **Củng cố và nối tiếp: 5 phút**   - HDHS củng cố bài  - Về nhà đọc lại bài và xem trước bài sau  - Nhận xét, tuyên dương HS | |  |

Ngày soạn: 26/12/2020

Ngày dạy : 29/12/2020

Môn: Tập viết

Tiết: 32

**BÀI 88, 89**

1. **MỤC TIÊU:**

Viết đúng **ung, uc, ưng, ưc, sung, cúc, lưng, cá mực -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:** Bộ đồ dùng dạy Tập viết

**2.HS:** Vở Luyện viết 1, tập một

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 3 phút**   **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động cơ bản: 25 phút** | -HS lắng nghe |
| 1. HS nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn: *ung, sung, uc, cúc, ưng, lưng, ưc, cá mực.* 2. Tập viết; *ung, sung, uc, cúc.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *ung, uc,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, đặt dấu thanh (tiếng cúc). * HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập viết: *ưng, lưng, ưc, cá mực* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, đẹp | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
| **3.Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  **-** Nhắc lại nội dung vừa học  -GV nhận xét tiết học  -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết , về nhà tiếp tục luyện viết |  |



Ngày soạn: 27/12/2020

Ngày dạy : 30/12/2020

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 151,152

Bài 90 uông uôc

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các vần **uông, uôc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uông, uôc.**
* Làm đúng BT xếp hoa vào hai nhóm: tiếng có vần **uông,** vần **uôc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Con công lẩn thẩn.*
* Viết đúng **uông, uôc, chuông, đuốc** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:**Thẻ để HS ghi ý đúng / sai (BT đọc hiểu).
3. **HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 5 phút**   **Ổn định**: hát |  |
| **Giới thiệu bài:** vần **uông,** vần **uôc.** | -HS lắng nghe |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 30 phút**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Dạy vần **uông** * HS nhận biết **uô - ngờ - uông. /** Phân tích vần **uông** (âm **uô +** âm **ng). /** Đánh vần, đọc: **uô - ngờ - uông / uông.** * HS nói: *chuông.* / Phân tích tiếng **chuông. /** Đánh vần, đọc: chờ - uông - chuông / chuông. * Đánh vần, đọc trơn: uô - ngờ - uông / chờ - uông - chuông / chuông.   1. Dạy vần **uôc** (như vần **uông)**   Đánh vần, đọc trơn: uô - cờ - uôc */* đờ - uôc - đuôc - sắc - đuốc / đuốc.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **uông, uôc,** 2 tiếng mới học: **chuông, đuốc.** | -HS phân tích, đánh vần.  -HS nói, đánh vần, phân tích  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói lại vần, tiếng mới học |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **1.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: xếp hoa vào hai nhóm)   * GV chỉ chữ trên từng bông hoa, HS đọc: *xuồng. thuốc,...* * HS xếp hoa trong VBT (dùng bút nối từng bóng hoa với vần tương ứng). * HS nói kết quả. GV giúp nối hoa với vần / dùng kĩ thuật vi tinh xếp hoa. * GV chỉ bông hoa, cả lớp. Tiếng **xuồng** có vần **uông.** Tiếng **guốc** có vần **uôc,...**   **1.2.Tập viết** (bảng con BT 4)   1. HS đọc: **uông, chuông, uôc, đuốc.** 2. Viết các vần **uông, uôc**  * 1 HS đọc, nói cách viết các vần **uông.uôc.** * GV viết mẫu, hướng dần. Vân **uống** viết **uô** rồi đến **ng** (chữ g cao 5 li); chú ý viết **uô** và **ng** gần nhau. / Làm tương tự với vần **uôc.** * Cả lớp viết: **uông, uôc** (2 lần).   Viết: **chuông, đuốc** (như mục b). Chú ý độ cao các con chữ, dấu sắc đặt trên **ô**(đuốc).  - Cả lớp viết: **chuông, đuốc.**  -GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, đẹp | -HS đọc: xuồng, thuốc  -HS thực hiện  -Cả lớp đánh vần  -HS đọc  -HS theo dõi  -HS viết |
| **Tiết 2** | |
| **1.3. Tập đọc** (BT 3): 30 phút   1. GV giới thiệu hình ảnh công đang sà xuống hồ nước. Phía xa, từ bờ bên kia có chú chim cuốc đang nhìn công. Vì sao công lại sà xuống hồ? Vì sao công bị gọi là “lẩn thẩn”? 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **lẩn thẩn, trần gian, ưỡn ngực, sà xuống, biến mất, ngụp lặn, ướt nhẹp, run cầm cập, chim cuốc, gật gù.** Giải nghĩa: *lẩn thẩn* (ngớ ngẩn). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 9 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.   Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân, từng cặp).   1. Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (3/4/2 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc từng ý a, b. * HS làm bài; giơ thẻ báo cáo kết quả. GV chốt ý đúng: Ý b. * Cả lớp đọc: Ý b đúng: Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ. * GV: Vì sao công bị gọi là “lẩn thẩn”? Vì sao chim cuốc chê công “đẹp mà chẳng khôn”? | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc  -HS đọc vỡ  -HS đọc thi  -HS thực hiện  -Vì công ngu ngốc không nhận ra con chim trong hồ chính là cái bóng của nó, chứ không phải là một con công khác |
| **3.Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  - HDHS củng cố bài  - Về nhà đọc lại bài và xem trước bài sau  - Nhận xét, tuyên dương HS phát biểu sôi nổi |  |



Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 153, 154

Bài 91 ương ươc

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các vần **ương, ươc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ương, ươc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ương,** vần **ươc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Lừa, thỏ và cọp* (1).
* Biết nói lời chào, hỏi thăm, thể hiện sự quan tâm đến người khác.
* Viết đúng các vần **ương, ươc,** các tiếng **gương, thước** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Thẻ để HS ghi ý đúng, trong BT đọc hiểu.
3. **HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 5 phút**   **Ổn định**: hát  **Giới thiệu bài:** vần **ương,** vần **ươc.** | -HS lắng nghe |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 30 phút**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| 1.1.Dạy vần **ương:**   * Yêu cầu HS đọc: **ươ - ngờ - ương. /** Phân tích vần **ương:** âm **ươ + ng.** * Yêu cầu đánh vần, đọc trơn: **ươ - ngờ - ương / ương.** * HS nêu từ: *gương.*Phân tích tiếng **gương. /** Đánh vần, đọc trơn: gờ - ương - gương / gương. * Đánh vần, đọc trơn: ươ - ngờ - ương / gờ - ương - gương / gương. | -HS đọc và phân tích vần: ương  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng : gương |
| * 1. Dạy vần **ươc** (như vần **ương).** * Yêu cầu HS đọc: **ươ - cờ - ươc. /** Phân tích vần **ươc:** âm **ươ + c** * Yêu cầu đánh vần, đọc trơn: **ươ - cờ - ươc / ươc.** * HS nêu từ: *thước.*Phân tích tiếng **thước. /** Đánh vần, đọc trơn: thờ - ươc – thươc- sắc - thước / thước.   - Yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn: ươ - cờ - ươc / thờ - ươc - thươc - sắc - thước / thước.  \* Củng cố:Yêu cầu HS nói lại 2 vần mới học: **ương, ươc,** 2 tiếng mới học: **gương, thước.** | -HS thực hiện  -HS nói |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2 - Tiếng nào có vần **ương?** Tiếng nào có vần **ươc?)**  -Yêu cầu HS đọc các từ ngữ dưới hình, tìm tiếng có vần **ương,** vần **ươc;**  - Yêu cầu HS báo cáo.  - Cả lớp đồng thanh: Tiếng **lược** có vần **ươc.** Tiếng **giường** có vần **ương,...** | -HS tìm tiếng có vần **ương**, tiếng có vần **ước**  **-**HS báo cáo  -Lớp đồng thanh |
| **2.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV viết mẫu, hướng dẫn  * Vần **ương:** viết **ươ** rồi đến **ng;** chú ý viết **ươ** và **ng** gần nhau. / Làm tương tự với vần **ươc.** * **gương:** viết **g(5** li) rồi đến vần **ương. / thước:** viết **th (t** cao 3 li, **h** 5 li), rồi đến vần **ươc,** dấu sắc đặt trên **ơ.** * Yêu cầu HS viết: **ương, ươc** (2 lần). / Viết: **gương, thước.** * GV cùng HS nhận xét | -HS theo dõi  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **2.3 Tập đọc** (BT 3): 30 phút   1. GV chỉ hình, giới thiệu chuyện *Lừa, thỏ, và cọp* (1): Lừa vẻ mặt buồn rầu đang kể lể gì đó với thỏ. Hãy xem chuyện gì đã xảy ra. 2. GV đọc mầu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **được việc, muốn thử, trí khôn, trên đường, thương.**   Giải nghĩa từ: *được việc (có* khả năng làm nhanh, làm tốt những việc được giao).   1. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. HS đọc vỡ từng câu. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (3 câu / 3 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * BT a: GV nêu YC. * Yêu cầu1 HS đọc 2 câu chưa hoàn thành.   VD: Ý thứ nhất: Ông chủ nhờ lừa đi bắt về một con cọp. / Ông chủ nhờ lừa đi bắt về một con cọp để thử trí khôn của lừa. *Ý* thứ hai: Thỏ thương lừa, hứa sẽ giúp lừa. / Cả lớp nói 2 câu đã hoàn thành.   * BT b :   + Yêu cầu HS đọc YC của BT.  + Yêu cầu HS tiếp nối nhau nói lời chào và hỏi thăm thể hiện thái độ ân cần, lịch sự. VD: Lừa ơi, bạn đi đâu đấy? Sao trông bạn buồn vậy? Có cần mình giúp không? / Lừa ơi, bạn làm sao thế? Hãy nói với mình, mình sẽ giúp bạn. / Lừa à, bạn đừng lo. Mình sẽ giúp bạn. Mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi. /...   * GV cùng HS nhận xét | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS thực hành nói tiếp để hoàn chỉnh câu  -HS nêu yêu cầu BT  -HS thực hành nói |
| 1. **Củng cố và nối tiếp: 5 phút**   -HDHS củng cố bài  **-**Về nhà tập đọc thêm  **-** Nhận xét, tuyên dương HS |  |

Ngày soạn: 27/12/2020

Ngày dạy : 30/12/2020

Môn: Tập viết

Tiết: 33

**BÀI 90, 91**

1. **MỤC TIÊU**

Viết đúng **uông, uôc, ương, ươc, chuông, đuốc, gương, thước -** chừ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1.GV:** Bộ đồ dùng dạy Tập viết

**2.HS:** Vở Luyện viết 1, tập một

**III . HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 3 phút**   **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 27 phút** 2. Yêu cầu HS đánh vần, đọc: *uông, chuông, uôc, đuốc, ương, gương, ươc, thước.* 3. Tập viết: *uông, chuông, uôc, đuốc.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *uông, uôc,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình. Chú ý độ cao các con chữ; cách nối nét, để khoảng cách, đặt dấu thanh trên *ô (đuốc).* * HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập viết: *ương, gương, ươc, thước* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  * GV kiểm tra, nhận xét, chữa bài | -HS đánh vần, đọc: *uông, chuông, uôc, đuốc, ương, gương, ươc, thước.*  -HS theo dõi  -HS viết vào vở luyện viết  -HS thực hiện |
| 3.**Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  **-**HDHS củng cố bài  -GV nhận xét tiết học  -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

Môn: Kể chuyện

Tiết: 16

**Bài 92** **ÔNG LÃO VÀ SẾU NHỎ**

1. **MỤC TIÊU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Ông lão nhân hậu giúp sếu nhỏ đã nhận được sự đền ơn của gia đình sếu, cần yêu thương, bảo vệ loài vật.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.
3. **HS:** SGK
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 3 phút**   **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | |  |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 27 phút**   **Hoạt động 1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý) | |  |
| **1.1.Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh minh hoạ, mời HS xem tranh để biết chuyện có ai, có những con vật nào; và đoán chuyện gì đã xảy ra. | | -Truyện có ông lão, sếu bố, sếu mẹ và sếu con. Sếu con bị thương, nằm dưới đất không bay theo được bố mẹ. Ông lão chăm sóc sếu nhỏ). |
| **1.2.Giới thiệu câu chuyện:** *Ông lão và sếu nhỏ* kể về tình cảm yêu thương, giúp đỡ loài vật của một ông lão. | | -HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập** | |  |
| **2.1.Nghe kế chuyện:** GV kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm. Đoạn 1: kể với giọng chậm rãi. Đoạn 2: giọng nhanh hơn. Đoạn 3: trở lại chậm rãi. Đoạn 4 (ông lão nhân hậu thả cho sếu bay đi cùng bố mẹ): kể gây ấn tượng với các từ ngữ *thả, tung cảnh.* Đoạn 5: giọng hồi hộp. Đoạn 6: giọng kể vui, chậm rãi - điều ước của ông lão đã thành sự thật. | |  |
| **Ông lão và sếu nhỏ**   1. Xưa, có một ông Lão tốt bụng sống cạnh khu rừng nhỏ. Một sáng mùa hè, khi vào rừng, ông nghe tiếng sếu kêu “kíu cà, kíu cà” ầm ĩ. 2. Thấy ông, hai con sếu lớn sợ hãi bay vụt lên để lại chú sếu con đang nằm bẹp ở đám cỏ. Thì ra, sếu nhỏ bị gãy cánh. 3. Ông lão thương sếu nhỏ bèn ôm nó về nhà, băng bó, chăm sóc. Ngày ngày, sếu bố, sếu mẹ bay đến nhà ông, kêu “kíu cà, kíu cà”, lo lắng. 4. Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão mang sếu nhỏ ra sân, thả cho nó tung cánh cùng bố mẹ bay về phương nam. 5. Một sáng mùa xuân, ông lão nghe tiếng “kíu cà, kíu cà” từ trên trời. Thì ra, giađình sếu bay về. Chúng thả xuống sân nhà ông một túi nhỏ đựng điều ước kì diệu để tỏ lòng biết ơn. 6. Ông lão ước cho rừng cây, đồng ruộng xanh tươi, sông ngòi đầy tôm cá. Ông vừa dứt lời, điêu ước đã biến thành sự thật. Từ đấy, ông và dân làng sống ấm no, hạnh phúc.   LÊ CHÂU | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới mỗi 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Điều gì xảy ra khi ông lão đi vào rừng?* * GV chỉ tranh 2: *Khi thấy ông lão, mấy con sếu như thế nào?* * GV chỉ tranh 3: *Ông lão làm gì để giúp sếu nhỏ?* * GV chỉ tranh 4: *Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão làm gì?* * GV chỉ tranh 5: *Gia đình sếu đã làm gì đế cảm ơn ông lão?*   GV chỉ tranh 6: *Ông lão ước điều gì?*  *Điều gì đã xảy ra?*   1. Mỗi HS trả lời các câu hỏi dưới tranh liền nhau. 2. Một HS trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh. | -Một sáng mùa hè, khi ông lão đi vào rừng thì nghe thấy tiếng sếu “kíu cà, kíu cà” ầm ĩ  -Khi thấy ông lão, hai con sếu lớn sợ hãi bay vụt lên để lại sếu con nằm bẹp ở đám cỏ. Thì ra sếu con bị gãy cánh  -Ông lão ôm sếu nhỏ về nhà,băng bó, chăm sóc). sếu *bố, sếu mẹ làm gì?* (Ngày ngày, sếu bố, sếu mẹ bay đến nhà ông, kêu “kíu cà”, vẻ lo lắng).  -Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão mang nó ra sân, thả cho sếu nhỏ tung cánh cùng bố mẹ bay về phương nam  -Để cảm ơn ông lão, một sáng mùa xuân, gia đình sếu bay về, thả xuống sân nhà ông lão một chiếc túi nhỏ đựng điều ước kì diệu  -Ông lão ước cho rừng cây, đồng ruộng xanh tươi, sông ngòi đầy tôm cá  -Ông lão vừa dứt lời, điều ước đã biến thành sự thật. Từ đấy, ông và dân làng sống ấm no, hạnh phúc | |
| 1. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) 2. GV yêu cầu Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 3. GV yêu cầu HS kể chuyện theo tranh bất kì (Trò chơi *Ô cửa sổ).* 4. Yêu cầu một HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.  * Kể chuyện không có sự hỗ trợ của tranh: GV cất tranh trên bảng lớp, mời 1 HS xung phong kể lại câu chuyện, không nhìn tranh. (YC cao, không bắt buộc). | -HS kể  -HS kể  -HS kể | |
| 1. **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  * GV: Em nhận xét gì về ông lão? * GV: Câu chuyện ca ngợi ông lão nhân hậu, tốt bụng, biết yêu thương, giúp đỡ loài vật, bảo vệ môi trường thiên nhiên. | -Ông lão nhân hậu, giúp sếu nhỏ chữa lành vết thương, thả sếu về với bố mẹ. / Ông lão rất tốt bụng, biết bảo vệ loài vật | |
| **3**.**Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  **-** HDHS củng cố bài  **-**Về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Nhận xét, tuyên dương |  | |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 155

**Bài 93. ÔN TẬP**

1. **MỤC TIÊU**

* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Lừa, thỏ và cọp* (2).
* Chép đúng 1 câu văn trong bài.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Thẻ để HS viết ý đúng trong BT đọc hiểu.
3. **HS:** Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Khởi động: 3 phút**   **Giới thiệu bài**: GV nêu MĐYC của bài học. | -HS đọc |
| 1. **Hoạt động cơ bản: 27 phút** |  |
| **Hoạt động 1: BT 1** (Tập đọc)   1. GV chỉ hình minh hoạ: Chú thỏ láu lỉnh đứng giữa cọp và lừa, đang buộc chân cọp. Cọp nằm cho thỏ buộc chân, vẻ mặt hớn hở. Chắc nó nghĩ sắp có được mồi ngon là con lừa. Các em sẽ đọc tiếp phần 2 của chuyện *Lừa, thỏ và cọp* để biết thỏ thông minh đã nghĩ ra cách gì để giúp lừa. 2. GV đọc mẫu, gây ấn tượng với các từ ngữ: *đồng ý luôn, buộc luôn, sửng sốt, phục lăn.* 3. Luyện đọc từ ngữ: **thầm thì, bên đường, buộc chân, đồng ý luôn, vờ vịt, vô cùng sửng sốt, phục lăn.** Giải nghĩa từ: *tha về* (trong câu “Bác tha về nhé?”) cùng nghĩa với đem về, mang về, kéo về); *vờ vịt* (giả vờ để che giấu điều gì đó. VD: *Biết rồi còn hỏi, rõ khéo vờ vịt!).* 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? (9 câu). * GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc vỡ. (Đọc liền câu 2 và 3). * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV sửa lồi phát âm cho HS.  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 5 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc từng ý a, b. * Cả lớp: Ý a đúng: *Thỏ buộc bốn chân cọp. Lừa tha cọp về.* * GV: Em nhận xét gì về thỏ? | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc  -HS trả lời  -HS đọc  -HS thi đọc nối tiếp câu  - HS làm bài, ghi ý mình chọn lên thẻ; nói kết quả: Ý a đúng.  -Thỏ tốt bụng, thông minh, đã nghĩ ra kế giúp lừa lấy lại được lòng tin của ông chủ |
| **Hoạt động 2: BT 2** (Tập chép)   * GV viết lên bảng câu văn cần tập chép. * Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ mình dễ viết sai. VD: *phục, lắm.* * HS nhìn mẫu trên bảng / trong VBT, chép lại câu văn. * Yêu cầu HS viết xong, tự soát lỗi, đổi bài để sửa lỗi cho nhau. * GV chữa bài cho HS.Nhận xét | -HS (cá nhân, cả lớp) đọc câu văn.  -HS đọc thầm  -HS chép  -HS viết , tự soát lỗi, đổi bài để sửa lỗi cho nhau. |
| 1. **Củng cố và nối tiếp: 5 phút**  * HDHS củng cố bài * Về nhà ôn lại bài * Nhận xét, tuyên dương |  |

Ngày soạn: 26/12/2020

Ngày dạy : 29/12/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết: 33**

**BÀI 10. CÂY XUNG QUANH EM ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nêu được tên một số cây và bộ phận bên ngoài của cây.

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu một số đặc điểm bên ngoài của cây xung quanh.

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người ( cây bóng mát , cây ăn quả , cây hoa , ... ) .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về các đặc điểm của cây xanh .

.**II.ĐỒ ĐÙNG DẠY HỌC:**

- Một số cây thường gặp ở địa phương ( cây đang được trồng trong bầu hoặc chậu đất , có đủ thân , rễ , lá . Một số cây đang có hoa và quả tuỳ thực tế ) .

- Các hình trong SGK .

- Bộ tranh ảnh gồm các loài cây rau , cây hoa , cây bóng mát , ... đặc biệt là các loài cây có ở địa phương ,

- Bảng phụ / giấy A2 .

- Một số bài hát , bài thơ nói về tên các loài cây ; các bộ phận của cây ; lợi ích của cây ; các loại cây cho rau , hoa , quả , bóng mát , ...

- Bộ thẻ từ gồm các bộ phận của cây : thân , rễ , lá , hoa , quả ( nếu có ) . Một số đồ vật làm từ thực vật phổ biến ở địa phương : rổ , rá , quạt nan , đĩa , giỏ bằng mây , tre . Một số hình ảnh : Hoa trang trí nhà , đám cưới , bữa tiệc , giường tủ , ... ; đồ ăn nước sinh tố , ... và các vật dụng khác được làm ra từ thực vật ở các vùng miền khác

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát Lý cây xanh  - GV:Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về : “ Cây xanh quanh em ” . | - Hát  -HS trả lời  ­- Lắng nghe |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)**   **TIẾT 2**  **Một số bộ phận bên ngoài của cây** | | |
| **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI** | | |
| ***Hoạt động 3 : Nhận biết một số bộ phận của cây***  \* Mục tiêu  - Quan sát và nhận biết được một số bộ phận chính của cây : thân , rễ , lá , hoa và quả  - Đặt câu hỏi và trả lời về các bộ phận bên ngoài của cây thông qua quan sát .  - Viết hoặc vẽ lại các bộ phận chính của cây và giới thiệu với các bạn trong nhóm / lớp . | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Tổ chức làm việc theo cặp , hướng dẫn HS quan sát và đặt câu hỏi*  - Yêu cầu HS quan sát hình trang 70 ( SGK ) và chỉ ra được các bộ phận của cây có trong hình .  - Cho HS quan sát một số cây có đủ thân , rễ , lá và có thể có cây có hoa , quả . TRả lời câu hỏi  + Cây gồm những bộ phận gì ?  + Tại sao có khi chúng ta nhìn thấy cây chỉ có quả hoặc chỉ có hoa ? Tại sao lại có cây không thấy có hoa ?  + Cây này có hoa và quả không ? Hoa của chúng có màu gì ? Quả của chúng có màu gì?  - HD HS quan sát cây trong chậu  GV hỏi : +Tại sao chúng ta thường không nhìn thấy rễ cây ?  - Yêu cầu HS vẽ một cây mà mình thích và viết tên các bộ phận của cây ,  *Bước 2 : Tổ chức làm việc nhóm*  - Yêu cầu HS chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của mình vừa hoàn thành .  -GV HD HS thực hiện  *Bước 3 : Tổ chức làm việc cả lớp*  -Cho một số HS giới thiệu về sản phẩm của nhóm về các bộ phận của cây trước lớp  -GV cùng Hs nhận xét | - HS quan sát.  -Từng cặp hỏi và trả lời câu hỏi  - Hầu hết các cây đều có : thân , rễ , lá , hoa , quả  -Hoa và quà ở cây xanh không phải lúc nào cũng có  -HS trả lời  - Rễ cây thường ở dưới đất , chúng có nhiệm vụ hút nước và muối khoảng để nuôi cây  -HS vẽ  -HS chia sẻ SP cùng các bạn  -HS nhận xét  -HS giới thiệu sản phẩm  -HS tham gia nhận xét | |
| LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG | | |
| ***Hoạt động 4 : Trò chơi “ Tìm hiểu về các bộ phận của cây ”***  \* Mục tiêu  Khắc sâu kiến thức về các bộ phận của cây . | | |
| *Bước 1 : Chia nhóm*   * GV chia lớp thành nhóm , mỗi nhóm 5 HS . Chia bộ ảnh hoặc các cây mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm .   *Bước 2 : Hoạt động nhóm*   * GV yêu cầu từng thành viên trong nhóm thi gọi tên các bộ phận của cây dựa vào tranh ảnh hoặc vật thật mà GV và HS đã chuẩn bị * GV bao quát , HD HS thực hiện   .  *Bước 3 : Hoạt động cả lớp*  - GV chọn hai nhóm một trình bày trước lớp , các nhóm khác nhận xét , đánh giá , ... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất .  - GV cùng HS nhận xét  *Bước 4 : Củng cố*  - GV: Sau phần học này , em rút ra được điều gì ?  - GV yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các bộ phận của cây có ở xung quanh nhà , trường và địa phương hoặc qua sách bảo ..... và chia sẻ với các bạn trong nhóm | | -HS nhận việc  -HS thi gọi tên  -Các thành viên trong nhóm nhận xét , bổ sung .  - HS trình bày  -HS nhận xét  -Hầu hết cây xanh đều có thân , rễ , lá , hoa , quả . |
| **3. Củng cố, nối tiếp (3 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  --Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các loại cây rau , cây hoa , cây ăn quả , cây cho bóng mát và một số loài cây làm thuốc , cây lương thực có ở xung quanh nhà trường học và địa phương hoặc qua sách báo , Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm lớp . Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân | | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 24/12/2020

Ngày dạy : 30/12/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết: 34**

**BÀI 10. CÂY XUNG QUANH EM ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nêu được tên một số cây và bộ phận bên ngoài của cây.

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu một số đặc điểm bên ngoài của cây xung quanh.

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người ( cây bóng mát , cây ăn quả , cây hoa , ... ) .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về các đặc điểm của cây xanh .

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Một số cây thường gặp ở địa phương ( cây đang được trồng trong bầu hoặc chậu đất , có đủ thân , rễ , lá . Một số cây đang có hoa và quả tuỳ thực tế ) .

- Các hình trong SGK .

- Bộ tranh ảnh gồm các loài cây rau , cây hoa , cây bóng mát , ... đặc biệt là các loài cây có ở địa phương ,

- Bảng phụ / giấy A2 .

- Một số bài hát , bài thơ nói về tên các loài cây ; các bộ phận của cây ; lợi ích của cây ; các loại cây cho rau , hoa , quả , bóng mát , ...

- Bộ thẻ từ gồm các bộ phận của cây : thân , rễ , lá , hoa , quả ( nếu có ) . Một số đồ vật làm từ thực vật phổ biến ở địa phương : rổ , rá , quạt nan , đĩa , giỏ bằng mây , tre . Một số hình ảnh : Hoa trang trí nhà , đám cưới , bữa tiệc , giường tủ , ... ; đồ ăn nước sinh tố , ... và các vật dụng khác được làm ra từ thực vật ở các vùng miền khác

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát Lý cây xanh  - GV:Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về : “ Cây xanh quanh em ” . | - Hát  ­- Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)** | |
| Tiết 3. **Lợi ích của cây** | |
| KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI  Hoạt động 5 : Tìm hiểu lợi ích của cây đổi với con người và động vật  \* Mục tiêu ‘  - Nêu được một số lợi ích của một số cây đối với con người và động vật .  - Có tình yêu và ý thức bảo vệ cây xanh . | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bước 1 : Tổ chức làm việc theo cặp*  - Yêu cầu HS quan sát hình trang 71 (SGK )  -GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về lợi ích của cây đối với đời sống con người và động vật qua các hình trong SGK .  Gợi ý :  + Các cây trong Hình 1 , 2 , 3 : Là thức ăn của người và động vật .  + Các cây trong Hình 4 : Dùng trang trí nhà cửa , làm đẹp nơi công cộng , ...  + Cây trong Hình 5 : Là nơi ở của một số động vật , cho bóng mát , sản xuất ra đồ dùng hằng ngày cho con người .  *Bước 2 : Tổ chức làm việc nhóm*  - Yêu cầu HS chia sẻ SP đã hoàn thành ở buoc 1  - GV cùng HS nhận xét  *Bước 3 : Tổ chức làm việc cả lớp* .   * GV chọn đại diện của nhóm lên giới thiệu sản phẩm của nhóm về lợi ích của cây . * GV cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn   - GV cùng HS nhận xét hoàn thiện câu trả lời . | - HS quan sát các hình ở trang 71 trong SGK và trả lời các câu hỏi  **-**- HS tóm tắt lợi ích của cây vào bảng .  -Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình .  -HS nhận xét bổ sung   * HS trình bày sản phẩm của nhóm * HS nhận xét | |
| ***Hoạt động 6 : Trò chơi “ Tìm hiểu về lợi ích của cây ”***  \* Mục tiêu  - Khắc sâu kiến thức về những lợi ích của cây .  - Phát triển năng lực ngôn ngữ qua các bài hát , bài thơ mà HS đã học ở trường mầm non , nhằm tích hợp với các môn học như Tiếng Việt , Âm nhạc vào môn học Tự nhiên và Xã hội .  - Khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh , tài liệu , bước đầu phát triển năng lực tự học , tự nghiên cứu . | | |
| \* Cách tiến hành  \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Chia nhóm*   * GV chia lớp thành nhóm , mỗi nhóm 5 - 6 HS . * Chia bộ ảnh hoặc các cây mà HS và GV đã chuẩn bị cho các nhóm .   *Bước 2 : Hoạt động nhóm*   * GV yêu cầu từng thành viên trong nhóm thi gọi tên một số cây cỏ trong tranh ảnh hoặc vật thật .   -HD HS nhận xét bình chọn bạn nói được nhiều tên gọi nhất  *Bước 3 : Hoạt động cả lớp*  -GV lần lượt cho hai nhóm thi với nhau , các nhóm khác nhận xét , đánh giá , ... cứ như vậy để tìm ra nhóm tốt nhất ,  - GV cho HS thi tìm các bài hát , câu thơ , câu chuyện về lợi ích của cây và các bộ phận bên ngoài của cây .  - GV cùng HS bình chọn  *Bước 4 : Củng cố*  - GV : Sau phần học này , em đã học được gì ?  - Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về lợi ích của cây có ở xung quanh nhà trường và địa phương hoặc qua sách báo .....và chia sẻ với các bạn trong nhóm / lớp . | * HS nhận nhiệm vụ * HS thi * HS nhận xét   - Lần lượt các nhóm thi với nhau  -HS các nhóm tham gia nhận xét  -HS tìm và trình bày  - Cây xanh có ích đối với đời sống con người và động vật ...   * HS lắng nghe | |
| ***Hoạt động 7 : Phân biệt cây rau , cây hoa , cây ăn quả và cây bóng mát***  \* Mục tiêu  - HS nêu và phân biệt được một số cây theo nhu cầu của con người : cây bóng mát , cây ăn quả , cây hoa , ...  - HS có khả năng quan sát , tìm hiểu và quan tâm đến thực vật có ở địa phương và xung quanh các em . | | |
| *Bước 1 : Hướng dẫn HS quan sát hình*  -GV Tổ chức cho HS quan sát hình trang 72 , 73 ( SGK ) .  *Bước 2 : Tổ chức làm việc theo cặp*  -- GV hướng dẫn từng cặp HS giới thiệu cho nhau cây nào là cây rau , cây cho bóng mát , cây cho hoa và cây cho quả .  Gợi ý  + Cây rau ( hình 1 , 2 , 3 , 7 ) : cà rốt , súp lơ , mùng tơi , bầu .  + Cây ăn quả ( hình 4 , 5 , 9 ) : cây thanh long , cây bưởi , cây đào ( hoa để ngắm vào dịp Tết khi ra quả để ăn ) .  + Cây cho bóng mát ( hình 6 ) : cây bàng .  + Cây cho hoa làm trang trí ( hình 4 , 10 ) : cây hoa đào , cây hoa mai . Ngoài ra , còn khá nhiều loại cây như cây lương thực , cây lúa , cây ngô , ... ; cây làm thuốc ... ( GV yêu cầu HS kể thêm ) .  - HD HS ghi vào bảng phụ hoặc giấy A2 về các nhóm cây vừa học .  -GV bao quát HD HS làm việc  *Bước 3 : Tổ chức làm việc nhóm*  - Từng cặp chia sẻ với các bạn trong nhóm sản phẩm của cặp mình .  -Các nhóm HS treo sản phẩm trên bảng và chia sẻ trước lớp ( nếu có thời gian ) .  - GV bao quát, HD HS  *Bước 4 : Tổ chức làm việc cả lớp*  Cử đại diện của nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm về các loại cây : cây rau , cây hoa , cây ăn quả , ... Cử một số HS đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn .   * GV cùng HS nhận xét, đánh giá | | * HS quan sát   -HS từng cặp giới thiệu , chia sẻ với nhau  -HS ghi vào bảng   * HS chia sẻ trong nhóm. * NHận xét đánh giá * Đại ciện nhóm giưới thiệu SP của nhóm mình * HS nhận xét |
| LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG | |  |
| ***Hoạt động 8 : Tìm hiểu về một số loại cây cho : rau , hoa , quả , bóng mát ; Trò chơi “ Tôi là cây gì ? ”***  \* Mục tiêu  - Phân biệt và khắc sâu được một số loại cây cho rau , hoa , quả , bóng mát .  - Phát triển năng lực ngôn ngữ , thuyết trình . | |  |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Chia nhóm*  GV chia lớp thành nhóm , mỗi nhóm có nhiều cặp HS .  *Bước 2 : Hoạt động cặp*   * Yêu cầu HS lần lượt từng cặp một đóng vai như vi dụ đã mô tả trong SGK trang 73. Một bạn mô tả về cây , vai trò của cây đỏ , bạn kia trả lời , ... cứ như vậy lần lượt với từng cặp còn lại và có thể đôi vai cho nhau .   *Bước 3 : Hoạt động cả lớp*  - GV chọn mỗi nhóm một cặp điển hình , có nhiều ý tưởng sáng tạo lên trình bày trước lớp  -GV cùng HS nhận xét , đánh giá và bổ sung .  - GV khen thưởng cho HS có sáng tạo.  *Bước 4 : Củng cố*  - GV : Sau bài học này , em đã học được điều gì ?  **-**GV kết luận, bổ sung | | * HS phận chia theo nhóm * HS lần lượt đóng vai * HS đóng vai trước lớp * HS nhận xét đánh giá |
| **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  --Yêu cầu HS tiếp tục tìm hiểu về các loại cây rau , cây hoa , cây ăn quả , cây cho bóng mát và một số loài cây làm thuốc , cây lương thực có ở xung quanh nhà trường học và địa phương hoặc qua sách báo , Internet và chia sẻ với các bạn trong nhóm lớp . Em có thể nhờ sự trợ giúp của người thân | | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 26/12/2020

Ngày dạy : 29/12/2020

**Môn: Đạo đức**

**Tiết: 17**

**BÀI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

1. **MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

- Được củng cố, mở rộng hiểu biết về các chuẩn mực thực hiện nội quy trường, lớp; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình.

* Hành vi thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **Giáo viên**

* SGK*Đạo đức 1.*
* Thẻ/tranh các biểu hiện.
* Mô hình “Những ngôi sao sáng”.
* Thẻ ngôi sao/từng HS.

1. **Học sinh:**  Vở BT
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| 1/Khởi động (3 phút)   * HS cả lớp cùng hát bài “Cả nhà thương nhau” * Giới thiệu bài | -Hát | |
| 1. Hoạt động cơ bản (30 phút)   Luyện tập |  | |
| Hoạt động 1: Cuộc thi “Ai nhanh hơn”  ***Mục tiêu:***   * HS được củng cố hiểu biết về các chuẩn mực đã học: thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình.   HS được phát triển năng lực tư duy và hợp tác | | |
| ***Cách tiến hành:***  GV tuyên bố cuộc thi “Rung chuông vàng”, thông báo luật chơi. Luật chơi như sau: GV đưa câu đố và ba d:áp án A, B, c. HS viết đáp án đúng lên bảngđen của mình (viết chữ cái) trong một khoảng thời gian nhất định. Ai viết saisẽ bị loại khỏi cuộc chơi. Người còn lại cuối cùng là người chiến thắng.   * GV có thể sứ dụng máy tính, thẻ chữ,... tùy theo điều kiện cụ thể. | | -HS ngồi vào vị trí, chuẩn bị sẵn bảng con, phấn và giẻ lau. |
| * **Câu 1.** Việc làm nào giúp nơi học gọn gàng, ngăn nắp?  1. Sắp xếp sách vở vào cặp sau khi học bài. 2. Nhờ mẹ đặt giúp đồng hồ báo thức.   **c.** Tự chải đầu trước khi đi học.  **Câu 2.** Việc làm nào là thực hiện nội quy?   1. Đi du lịch cùng cha mẹ. 2. Chào thầy cô giáo khi ở trường.   **c.** Nghịch dây điện của nồi cơm điện đang sử dụng.  **Câu 3.** Hành vi nào là không nên làm?   1. Nói chuyện riêng với bạn trong giờ học. 2. Tự giác cắt móng tay khi móng tay dài. 3. Đi học đúng giờ.   **Câu 4.** Hành vi nào thế hiện tình cảm yêu thương gia đình?   1. Tranh giành đồ chơi với em. 2. Quét nhà giúp bố mẹ khi ở nhà. 3. Không làm giúp khi bố mẹ nhờ.   **Câu 5.** Các việc cần làm khi bị ốm là gì?   1. Thông báo cho người lớn về tình hình sức khoẻ không tốt. 2. Nghỉ ngơi, uống thuốc theo hướng dẫn của người lớn và cán bộ y tế. 3. Cả A và B.   **Câu 6.** Vân đang ngồi xem một bộ phim rất hay mà em thích. Mẹ nhờ Vân trông em bé để mẹ nấu cơm. Vân nên làm gì?   1. Vân từ chối, không trông em. 2. Vân trông em nhưng cáu kỉnh, khó chịu với em bé.   C.Vân vui vẻ đáp: “Mẹ cứ yên tâm, con sẽ trông em và vui vẻ chơi với em”.  **Câu 7.** Những dụng cụ nào là cần thiết để giúp em luôn sạch sẽ?   1. Lược, khăn mặt. 2. Bấm móng tay, bàn chải và kem đánh răng. 3. Cả A và B. | | |
| GV tổng kết kết quả cuộc thi, vinh danh cảc trạng nguyên trong cuộc thi“Rung chuông vàng”. | |  |
| **Hoạt động 2: Tuyên dương những ngôi sao sáng**  ***Mục tiêu:***   * HS tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện các hành vi thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tụ giác làm việc của mình và yêu thương gia đình. * HS được phát triến năng lực tư duy phê phán và năng lực giao tiếp. | | |
| ***Cách tiến hành:***  -GV giao nhiệm vụ cho HS: Đếm các viên sỏi/bông hoa... trong các “Giỏ việc tốt”, “Giỏ yêu thương”. Cứ 7 viên sỏi/bông hoa được quy đổi thành một ngôi sao.  -HS tự đánh giá kết quả thực hiện các hành vi thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân, tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình, đếm số sỏi/hoa,... đã được nhận, quy đổi thành sao.  -HS viết tên và số sao đã đạt được trên giấy hình ngôi sao.  -GV lập mô hình “Những ngôi sao sáng” và đề nghị HS xếp thẻ sao của mình trên mô hình “Ngôi sao sáng”. Bạn nào càng có nhiều sao thì càng được xếp trên cao.  -Cả lớp tham quan mô hình ngôi sao. Những bạn có nhiều sao chia sẻ cảm xúc và trải nghiệm khi thực hiện các hành vi trên.  -Một số HS đóng vai “Phóng viên” phỏng vấn những bạn đứng vị trí tốp 5 theo những câu hỏi gợi ý sau:   1. Bạn có cảm tưởng như thế nào khi được xếp ở vị trí cao, là những ngôi sao sáng nhất? 2. Bạn có lời khuyên nào hoặc chia sẻ bí kíp thực hiện tốt nhiệm vụ với các bạn trong lớp?  * Các bạn khác chúc mừng những ngôi sao sáng nhất. * GV khen ngợi HS đã có nhiều cố gắng thực hiện các hành vi thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình. | | -HS thực hiên  -HS tự ánh giá  -HS viết  -Lớp tham quan  -HS đóng vai  -HS chúc mừng |
| 3/**Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  Mồi HS nói một câu hoặc thể hiện hành vi cam kết thực hiện tốt những chuẩn mực đã học. GV có thể cho HS viết vào giấy “Lá thư gửi tương lai”, sau đó lưu lại để đọc vào cuối năm học lớp 1.  GV nhận xét tuyên dương | | -HS thực hiện |

* .

Ngày soạn: 26/12/2020

Ngày dạy : 30/12/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết: 50**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**NGÀY TẾT QUÊ EM**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết ý nghĩa của ngày Tết truyền thống là ngày sum vầy hạnh phúc của mỗi gia đình. Vì thế, trong ngày Tết có nhiều bánh trái, trang trí, hoạt động đặc biệt.

- Có ý thức trân trọng ngày Tết truyền thống của dân tộc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Đồ dùng thủ công như kéo, giấy màu, keo dán, bút sáp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với ngày Tết ở quê hương mình. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động cơ bản (30 phút)**  ***\*Mục tiêu:***  - Làm quen với trường học mới – trường tiểu học.  - Bước đầu biết được khung cảnh sư phạm của nhà trường, các hoạt động diễn ra ở nhà trường. | |
| **Hoạt động 1. *Chia sẻ về ngày Tết quê em*** | |
| ***\* Mục tiêu:*** | |
| -Biết ý nghĩa của ngày Tết truyền thống là ngày sum vầy hạnh phúc của mỗi giađình. Trong dịp Tết, có nhiều điều đặc biệt và ý nghĩa. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  - GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về những điều đặc biệt cảu ngày Tết quê em theo gợi ý:  +Ngày Tết quê em có những loại bánh, trái cây nào?  + Vào ngày Tết mọi người thường trang trí những gì? Trang trí như thế nào?  + Vào ngày Tết, mọi người thường đi đâu?  + Ý nghĩa của ngày Tết truyền thống?  *+*Cảm xúc của em khi Tết đến? | - HS thảo luận nhóm 4  + HS kể tên các loại bánh, quả, trải cây ở địa phương: bánh chưng, bánh tét, quả dừa, quả quất,…  + HS kể những công việc trang trí nhà cửa, nhà thờ của gia đình mình.  + HS kể những nơi mọi người thường đến trong ngày Tết.  + Tết để nhớ về cội nguồn, ông bà tổ tiên, là ngày để mọi người nghỉ ngơi, xum họp.  + HS nêu cảm xúc cảu bản thân. |
| \*GV kết luận.  - Ngày Tết là ngày đoàn tụ, sum vầy của mỗi gia đình dân tộc Việt Nam. Trong ngày Tết, mỗi gia đình đều bày mâm ngũ quả, cây đào, cây quất, gói bánh chưng, bánh tét, xem bắn pháo hoa đón chào năm mới. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | |
| ***Hoạt động 2.* Tập trang trí cho ngày Tết** | |
| ***\*Mục tiêu:***  - HS làm được một số việc cụ thể tập trang trí cho ngày Tết truyền thống. | |
| ***\* Cách tiến hành :***  - GV tổ chức lớp thành các nhóm, thảo luận về việc các em sẽ làm để trang trí cho ngày Tết theo gợi ý:  +Em sẽ trang trí gì cho ngày Tết?  + Để trang trí em cần dụng cụ, vật liệu gì?  + Em sẽ trang trí cho ngày Tết như thế nào? - Các nhóm sử dụng đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị để tập trang trí cho ngày Tết.  - Các nhóm trưng bày và giới thiệu sản phẩm tập trang trí cho ngày Tết.  - GV cùng HS nhận xét | - Làm việc theo nhóm:  - HS thực hiện trang trí theo nhóm  - Đại diện các nhóm lần lượt lên giới thiệu, chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| \* Kết luận:  - Vào ngày Tết, mọi người thường trang trí nhà cửa bằng câu đối, hoa, cây cảnh, tranh vẽ với mong muốn đón một năm mới tràn đầy vui vẻ, hạnh phúc. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Củng cố, nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những cảm xúc của mình trong ngày Tết của mình. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết: 51**

**SINH HOẠT LỚP**

**GIỚI THIỆU TRANH, ẢNH VỀ LỄ HỘI MÙA XUÂN QUÊ EM**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Biết được các lễ hội của quê hương.

- Bước đầu hình thành lòng yêu quê hương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**  **Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt(30 phút)**  **2.1. Nhận xét trong tuần 17**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 18***  - Thực hiện dạy tuần 18, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Giới thiệu tranh, ảnh về lễ hội mùa xuân quê em***.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, trao đổi, chia sẻ theo nhóm về nội dung:  + Ở quê em có những lễ hội nào? Hãy kể tên các lễ hội đó.  -Cho HS cử đại diện trình bày trước lớp kết quả thảo luận.  - GV liệt kê tên các lễ hội của quê hương mà các nhóm đã trình bày.  - Bổ sung các lễ hội của quê hương (nếu có).  - Hướng dẫn HS treo tranh ảnh về lễ hội của quê hương sưu tầm được: hướngdẫn các tổ trưng bày các sản phẩm đã sưu tầm được tại các vị trí đã phân công; cử đại diện tổ giới thiệu các sản phẩm đã sưu tầm được.  - GV đánh giá chung các sản phẩm sưu tầm được của các tổ, động viên khen ngợi Hs đã thực hiện tốt công việc. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS làm việc theo nhóm 4. Chia sẻ trong nhóm về các nội dung gợi ý.  + HS kể tên các lễ hội  - Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả.  - HS trình bày các tranh ảnh chuẩn bị triển lãm tranh ảnh về lễ hội của quê hương.  - Lắng nghe |

*2.2. Một số câu hỏi và mẫu phiếu gợi ý để đánh giá*

- HS tự đánh giá theo một số câu hỏi, mẫu phiếu gợi ý sau:

1. Đánh dấu + vào cột có khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã tham gia để tỏ lòng biết ơn những người có công với đất nước là thương binh, liệt sĩ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Các hoạt động | Đánh giá của em | | |
|  |  |  |
| 1 | Thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ |  |  |  |
| 2 | Thăm nghĩa trang liệt sĩ |  |  |  |
| 3 | Tìm hiểu về người có công ở địa phương |  |  |  |

2 . Đánh dấu + vào cột có khuôn mặt phù hợp thể hiện việc em đã tham giaNgày hội làm việc tốt.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Các hoạt động | Đánh giá của em | | |
|  |  |  |
| 1 | Góp sách, vở ủng hộ các bạn ở vùng khó khăn |  |  |  |
| 2 | Góp quần, áo cũ ủng hộ các bạn ở vùng khó khăn |  |  |  |
| 3 | Quyên góp tiền ủng hộ các bạn ở vùng khó khăn |  |  |  |
| 4 | Viết thư thăm hỏi, động viên các bạn ở vùng khó khăn |  |  |  |

3. Đánh dấu + vào khuôn mặt thể hiện cảm xúc của em khi tham gia Ngày hộilàmviệc tốt.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên hoạt động | Cảm xúc của em | | |
|  |  |  |
| Tham gia Ngày hội làm việc tốt |  |  |  |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

**Môn: Mĩ thuật**

**Tiết: 31**

**Bài 9: CÙNG NHAU ÔN TẬP HỌC KÌ 1**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phẩm chất**

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các đức tính: chăm chỉ, trách nhiệm, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS.

**2. Năng lực**

*2.1. Năng lực mĩ thuật*

Nhận ra chấm, nét, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

*2.2. Năng lực chung*

- Nhận ra một số đồ dùng, vật liệu, họa phẩm,...là những thứ có thể tạo nên sản phẩm mĩ thuật trong thực hành, sáng tạo.

- Nêu được tên một số màu sắc, kiểu nét và chấm thể hiện ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

*2.3. Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi và chia sẻ với bạn về những điều đã được học trong học kì 1.

- Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng ngôn ngữ nói để giới thiệu về những điều đã được học trong học kì 1 và quan sát xung quanh.

- Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh trực quan minh họa nội dung bài học. Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

**2. Học sinh:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; giấy/ bìa màu, màu vẽ, bút chì, tẩy, hồ dán, kéo,...

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**  - Tổ chức học sinh hát, kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của học sinh.  - Sử dụng hình ảnh hoạt động học tập và sản phẩm của HS ở các bài đã học, gợi mở HS:  + Kể tên một số sản phẩm mĩ thuật do mình đã tạo ra  + Nêu một số hình thức thực hành đã tạo nên sản phẩm (cụ thể) của cá nhân (hoặc nhóm).  - GV chốt ý từ đó liên hệ giới thiệu nội dung bài học  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút)**  **Hoạt động 1: Tổ chức cho HS củng cố kiến thức đã học**  - Tổ chức học sinh thảo luận, yêu cầu:  + Quan sát hình minh họa trang 42, 43 SGK và một số sản phẩm của HS, hình ảnh do GV chuẩn bị.  + Nêu yếu tố tạo hình thể hiện ở hình ảnh (trong tự nhiên, trong đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật).  + Giới thiệu cách thực hành tạo nên một số sản phẩm cụ thể của bản thân hoặc của nhóm (vẽ, in, cắt, xé, ấn ngón tay,...)  - Gọi đại diện các nhóm HS trình bày.  - Tổng kết: Có nhiều loại nét, nhiều cách tạo chấm và tên gọi màu sắc khác nhau. Chấm, nét, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo nên các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.  **Hoạt động 2:** **Tổ chức cho HS** **thực hành sáng tạo và thảo luận**  - Tổ chức HS làm việc nhóm với nhiệm vụ:  + Mỗi nhóm tạo một sản phẩm mĩ thuật với khổ giấy bìa cho trước, có sẵn màu nền.  + Lựa chọn nội dung thể hiện: hình ảnh thiên nhiên, con vật, đồ vật, đồ dùng,...  + Vận dụng vật liệu, họa phẩm sẵn có để tự tạo chấm, nét bằng cách cắt, xé, dán,...tạo hình ảnh ở sản phẩm; hoặc vẽ, in chấm, nét tạo hình ảnh ở sản phẩm.  - Lưu ý HS có thể lựa chọn cách thể hiện sau:  + Thể hiện chấm và màu sắc ở sản phẩm.  + Thể hiện một kiểu nét hoặc một số kiểu nét và màu sắc ở sản phẩm.  + Sử dụng chấm, nét, màu sắc ở sản phẩm.  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Gợi mở HS chia sẻ:  + Tên sản phẩm là gì?  + Cách thực hành tạo nên sản phẩm?  + Sản phẩm nào em thích nhất? Vì sao?  - Hướng dẫn HS nhận xét, tự đánh giá kết quả làm việc và sản phẩm. Ví dụ:  + Mức độ tham gia thảo luận, thực hành, hợp tác,...của cá nhân.  + Nêu các yếu tố chấm, nét, màu sắc mà nhóm đã thể hiện ở sản phẩm,...  **-** Tổng kết bài học. Yêu cầuHS về nhà tìm hiểu nội dung các bài học tiếp theo ở học kì 2. | - Hát tập thể. Để đồ dùng lên bàn giáo viên kiểm tra.  - Quan sát, trình bày ý kiến.  - Lắng nghe, nhắc đề bài.  - Thảo luận nhóm theo các nội dung giáo viên hướng dẫn.  - Đại diện các nhóm HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe nhiệm vụ và làm việc theo nhóm.  - Tạo sản phẩm nhóm.  - Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình / nhóm bạn.  - Nhận xét, tự đánh giá.  - Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

Ngày soạn: 25/12/2020

Ngày dạy : 28/12/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 49**

Bài 35. LUYỆN TẬP CHUNG (tiết 2)

**I.MỤC TIÊU**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên:Các thẻ số và phép tính

2. Học sinh: vở BT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Khởi động (3 phút)   Hát khởi động   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| Bài 3  - Cho HS quan sát, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp cho mỗi ô trổng của từng phép tính tương ứng, ví dụ: 6 + ? =9 thì ? = 3 |  |
| Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. | HS dựa vào *phép đếm* hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số thích hợp trong mỗi ô trống. |
| - Từ việc tìm được thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ nêu trong bài, HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài (quan hệ cộng - trừ). Ví dụ: 6 + 3 = 9 thì 9 - 3 = *6.*  - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |  |
| Bài 4  - Cho HS thực hiện phép tính, rồi so sánh kết quả phép tính với số đã cho. | - HS thực hiện |
|  | - Chia sẻ với bạn cách so sánh của mình, suy nghĩ tìm cách so sánh nhanh chóng, chính xác. |
|  |  |
| - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |  |
| Bài 5  - Cho HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc trừ. | - HS thực hành tính Đổi vở, chữa bài, kiểm tra kết quả các phép tính. Chia sẻ với bạn cách thực hiện tính. |
| Bài 6  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. | - Chia sẻ trong nhóm. |
| *Ví dụ:* Bên trái có 6 quả su su. Bên phải có 3 quả su su. Có tất cả bao nhiêu quả su su?  Thành lập các phép tính: 6 + 3 = 9 hoặc 3 + 6 = 9; 9-6 = 3 hoặc 9-3 = 6. |  |
| 3. Ứng dụng (vận dụng) thực hành  GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | --HS chia sẻ trước lớp |
| 4.Củng cố, dặn dò (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  Nhận xét, tuyên dương |  |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 50**

**Bài 36. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.

- Củng cố kĩ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học.

**II**.**ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**

* Tranh như trong bài học.
* Một số tình huống thực tế.

1. **Học sinh: Vở BT**

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Chơi trò chơi “Ô cửa bí mật” ôn tập về các số trong phạm vi 10 phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 10. HS nêu yêu cầu, mời một bạn trả lời. Chẳng hạn: đếm từ 0 đến 7, đếm tiếp từ 6 đến 10,...; 3 + 5 = ?,...   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS thực hiện các phép tính.  Đổi vở, kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện. | - HS thực hiện |
| **Bài 2.** Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích họp với từng tranh vẽ. Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. | - HS quan sát tranh vẽ, Chia sẻ trước lớp. |
| **Bài 3.** HS quan sát hình vẽ, chỉ ra các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Chia sẻ với bạn. |  |
|  |  |
| 3.Củng cố, dặn dò (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì? |  |

Ngày soạn: 28/12/2020

Ngày dạy : 31/12/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 51**

**Bài 36. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.

- Củng cố kĩ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học.

**II**.**ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**

* Tranh như trong bài học.
* Một số tình huống thực tế.

1. **Học sinh:** Vở BT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (3 phút)**  Chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập về các số trong phạm vi 10 phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 10. HS nêu yêu cầu, mời một bạn trả lời. Chẳng hạn: đếm từ 0 đến 7, đếm tiếp từ 6 đến 10,...; 3 + 5 = ?,...  2.**Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| Bài 4  - Cho HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích họp, ví dụ: 6 + 2 = 8; 2 + 6 = 8; 8 - 6 = 2; 8 - 2 = 6;... Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. | - HS thực hiện |
| - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. |  |
| Bài 5- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. | - HS quan sát tranh, . Chia sẻ trước lóp. |
|  |  |
| + Câu a): Có 2 bạn đang chơi bập bênh, có 3 bạn đang chơi xích đu, có 4 bạn đang chơi cầu trượt. Có tất cả bao nhiêu bạn đang chơi? |  |
| Thành lập phép tính: 2 + 3 + 4 = 9.  + Câu b): Tổ chim có 8 con chim, có 2 con chim bay đi, sau đó có tiếp 3 con chim bay đi. Hỏi còn lại mấy con chim?  Thành lập phép tính: 8 - 2 - 3 = 3. |  |
| - GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, HS có thể nêu tình huống và thiết lập phép tính theo thứ tự khác. Khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.  3. Ứng dụng ( vận dụng), thực hành  GV khuyên khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10. | -HS chia sẻ trước lớp |
|  |  |
| 4.Củng cố, dặn dò (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?  Nhận xét, tuyên dương |  |